

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  
Mã hồ sơ: .....



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐  
Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị - Quản lý

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **BÙI THỊ HỒNG VIỆT**
2. Ngày tháng năm sinh: 04/6/1978; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 1801, đơn nguyên 1, tòa nhà B4 Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học quản lý, Phòng 612C Tòa nhà A1, Đại học Kinh tế Quốc dân, 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.  
Điện thoại di động: 0982110177; E-mail: vietbh@neu.edu.vn

**7. Quá trình công tác:**

Từ tháng 6 năm 2003 đến nay là giảng viên Đại học Kinh tế Quốc dân, quá trình công tác cụ thể như sau:

- Từ tháng 6/2003 đến tháng 3/2014: Giảng viên Bộ môn Quản lý xã hội, Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Từ tháng 3/2014 đến tháng 4/2024: Trưởng Bộ môn Quản lý xã hội, Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Từ tháng 5/2024 đến tháng 10/2024: Giảng viên Khoa Khoa học quản lý, Trường Kinh tế và Quản lý công, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Từ tháng 11/2024 đến nay: Giảng viên Khoa Khoa học quản lý, Trường Kinh tế và Quản lý công, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Khoa học quản lý, Trường Kinh tế và Quản lý công, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Địa chỉ cơ quan: 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02436280280

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

**8. Đã nghỉ hưu:** Chưa nghỉ hưu, hiện đang công tác.

**9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH ngày 07 tháng 8 năm 2000; số văn bằng: B194221; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Quản lý kinh tế; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 31 tháng 12 năm 2021; số văn bằng: 012329; ngành: Ngôn ngữ Anh; chuyên ngành: Tiếng Anh thương mại; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 26 tháng 4 năm 2004; số văn bằng: A08388; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Khoa học quản lý; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 6 năm 2012; số văn bằng: 001294; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Quản lý kinh tế (Khoa học quản lý); Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:** Chưa

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở:** Đại học Kinh tế Quốc dân

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành:** Kinh tế

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

Trong 22 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi tập trung vào 2 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

**Hướng nghiên cứu 1: Quản lý công và chính sách.** Hướng nghiên cứu này tập trung vào các chủ đề về phân tích, đánh giá quản lý khu vực công, lĩnh vực công; phân tích, đánh giá nội dung cũng như quá trình tổ chức thực thi một số chính sách công; phân tích, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công trong một số lĩnh vực.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*

+ Số lượng: 45 bài

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [1], [2], [3], [5], [7], [8], [9], [10], [11], [14], [16], [17], [18], [20], [21], [22], [27], [29], [31], [33], [34], [36], [37], [38], [39], [40], [41], [42],

[43], [45], [47], [48], [50], [51], [54], [55], [56], [57], [58], [59], [60], [61], [62], [63], [65]

Trong đó, bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín là tác giả chính sau TS:

++ Số lượng: 02 bài

++ Số thứ tự trong mẫu 1: [58], [62]

- Đề tài NCKH các cấp: Số lượng: 03 đề tài

Trong đó, đề tài UỶ V là chủ nhiệm:

+ Số lượng: 03 đề tài

(02 đề tài nhánh thuộc đề tài NCKH cấp Nhà nước và 01 đề tài NCKH cấp Cơ sở).

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [1], [2], [3]

- Sách phục vụ đào tạo:

+ Số lượng: 01 giáo trình

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [2]

- Hướng dẫn Cao học:

+ Số lượng: 04 HVCH

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [1], [4], [7], [8]

**Hướng nghiên cứu 2: Khoa học quản lý.** Hướng nghiên cứu này tập trung vào các chủ đề về chức năng quản lý theo quy trình quản lý và theo lĩnh vực hoạt động của các tổ chức, bao gồm cả tổ chức công và tổ chức tư.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 2 bao gồm:

- Bài báo và báo cáo khoa học:

+ Số lượng: 21 bài

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [4], [6], [12], [13], [15], [19], [23], [24], [25], [26], [28], [30], [32], [35], [44], [46], [49], [52], [53], [64], [66]

Trong đó, bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín là tác giả chính sau TS:

++ Số lượng: 01 bài

++ Số thứ tự trong mẫu 1: [23]

- Sách phục vụ đào tạo:

+ Số lượng: 03 giáo trình

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [1], [3], [4]

- Hướng dẫn Cao học:

+ Số lượng: 04 HVCH

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [2], [3], [5], [6]

#### 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn HVCH bảo vệ thành công luận văn/đề án ThS: 08 HVCH.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp Cơ sở trở lên: 03 đề tài.

Trong đó:

- + Chủ nhiệm 02 đề tài nhánh thuộc đề tài NCKH cấp Nhà nước.
- + Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Cơ sở.
- Đã công bố bài báo khoa học: 66 bài.

Trong đó, bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín: 06 bài, là tác giả chính: 03 bài.

- Số lượng sách đã xuất bản: 04 giáo trình.

#### 15. Khen thưởng:

| <i>Hình thức, lý do khen thưởng</i>                                                                                                           | <i>Số quyết định và cấp ra quyết định</i>                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>Danh hiệu thi đua</i>                                                                                                                      |                                                                                               |
| Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2014-2015                                                               | Quyết định số: 2266/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2018-2019                                                      | Quyết định số: 2266/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2019-2020                                                      | Quyết định số: 2416/QĐ-ĐHKTQD ngày 04/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023                                                      | Quyết định số: 947/QĐ-ĐHKTQD ngày 25/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân   |
| Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2024                                                               | Quyết định số: 102/QĐ-ĐHKTQD ngày 23/01/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Quốc dân            |
| <i>Khen thưởng</i>                                                                                                                            |                                                                                               |
| Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020 | Quyết định số: 445/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo              |
| Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2020-2021 đến năm học 2021-2022 | Quyết định số: 4194/QĐ-BGDĐT ngày 12/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo             |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Từ tháng 6 năm 2003 tôi bắt đầu trở thành giảng viên của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Đến năm 2012 tôi nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế. Sau khi được công nhận học vị Tiến sĩ, tôi đã rất tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và hoàn thiện các chương trình đào tạo đại học và sau đại học. Với vai trò là Trưởng Bộ môn Quản lý xã hội, Khoa Khoa học quản lý giai đoạn 2014-2024, tôi luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, không ngừng nỗ lực đóng góp vào quá trình phát triển của Bộ môn và Khoa.

Tôi tự đánh giá đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định tại Luật Giáo dục, cụ thể như sau:

#### ***- Về phẩm chất, tư tưởng, đạo đức:***

Tôi luôn chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân. Thực hiện tốt điều lệ, nội quy, quy chế của nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo. Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo. Tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học. Có đạo đức tốt, tâm huyết với nghề, luôn tôn trọng và nhận được sự tôn trọng từ đồng nghiệp và người học.

#### ***- Về việc cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn:***

Tôi thường xuyên học tập, cập nhật kiến thức và trau dồi kỹ năng để nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

#### ***- Về nhiệm vụ giảng dạy và công tác chuyên môn***

Giảng dạy bậc đại học và cao học vượt định mức giờ chuẩn và đảm bảo chất lượng. Tôi luôn tận tình hướng dẫn chuyên đề thực tập/khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên chính quy và luận văn/đề án thạc sĩ cho học viên cao học.

Tham gia xây dựng mới chương trình đào tạo cử nhân Quản lý công và Chính sách bằng tiếng Anh (EPMP), đã đưa vào tuyển sinh và đào tạo đến khóa thứ 10. Tham gia tích cực vào quá trình kiểm định chương trình EPMP, năm 2021 chương trình được kiểm định thành công.

Tích cực tham gia rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy ngành Quản lý công; chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế (chương trình Quản lý công).

#### ***- Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học***

Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và luôn hoàn thành vượt chỉ tiêu về số giờ nghiên cứu khoa học.



Tôi đã tích cực nghiên cứu và công bố nhiều bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế cũng như công bố nhiều bài viết trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế. Tích cực tham gia các hội thảo khoa học.

Tôi đã chủ trì 02 đề tài nhánh thuộc đề tài NCKH cấp Nhà nước và 01 đề tài NCKH cấp Cơ sở. Các đề tài đều được nghiệm thu đạt kết quả tốt.

Tích cực tham gia vào công tác biên soạn giáo trình, học liệu, tôi là đồng chủ biên biên soạn 02 cuốn giáo trình và tham gia biên soạn 02 giáo trình phục vụ đào tạo.

**Tóm lại**, trong quá trình công tác, tôi đã không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao năng lực giảng dạy và năng lực nghiên cứu khoa học để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo. Với những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tôi đã 05 lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở và 02 lần nhận được Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm chẵn.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SĐH |                                                                                           |
| 1               | 2019-2020 |                           |     | 3                                  | 5                                       | 177                                | 192 | 369/679/270                                                                               |
| 2               | 2020-2021 |                           |     | 1                                  | 5                                       | 147                                | 240 | 387/751/270                                                                               |
| 3               | 2021-2022 |                           |     | 1                                  | 4                                       | 96                                 | 288 | 384/805/270                                                                               |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4               | 2022-2023 |                           |     | 1                                  | 5                                       | 96                                 | 192 | 288/572/270                                                                               |
| 5               | 2023-2024 |                           |     | 2                                  | 4                                       | 96                                 | 288 | 384/745/270                                                                               |
| 6               | 2024-2025 |                           |     | 2                                  | 5                                       | 144                                | 192 | 336/615/200                                                                               |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

- Định mức giờ chuẩn từ năm 2020 đến năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là 270 giờ theo Quyết định số 929/QĐ-ĐHKTQD ngày 31/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Định mức giờ chuẩn từ năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là 200 giờ theo Quyết định số 510/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/5/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS ☐ hoặc luận ☐ án TS hoặc TSKH; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; số bằng: 012329; năm cấp: 2021

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc<br>HVCH/CK2/<br>BSNT | Đối tượng |                       | Trách nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời gian<br>hướng<br>dẫn từ ...<br>đến ... | Cơ sở đào tạo                      | Ngày, tháng,<br>năm được<br>cấp bằng/có<br>quyết định<br>cấp bằng |
|----|-----------------------------------------|-----------|-----------------------|--------------------------|-----|---------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|    |                                         | NCS       | HVCH/<br>CK2/BS<br>NT | Chính                    | Phụ |                                             |                                    |                                                                   |
| 1  | Lữ Văn Hòa                              |           | HVCH                  | X                        |     | 12/2019-<br>10/2020                         | Trường Đại học<br>Kinh tế Quốc dân | 25/01/2021                                                        |
| 2  | Nguyễn Thị<br>Thu                       |           | HVCH                  | X                        |     | 12/2019-<br>10/2020                         | Trường Đại học<br>Kinh tế Quốc dân | 25/01/2021                                                        |

|   |                     |  |      |   |  |                 |                                 |            |
|---|---------------------|--|------|---|--|-----------------|---------------------------------|------------|
| 3 | Lò Thị Thủy         |  | HVCH | X |  | 12/2019-10/2020 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | 25/01/2021 |
| 4 | Bùi Thị Quỳnh Trang |  | HVCH | X |  | 12/2020-10/2021 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | 22/4/2022  |
| 5 | Hoàng Thị Hải       |  | HVCH | X |  | 12/2021-10/2022 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | 09/02/2023 |
| 6 | Đinh Hương Thủy     |  | HVCH | X |  | 12/2022-10/2023 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | 08/3/2024  |
| 7 | Lê Quang Hiếu       |  | HVCH | X |  | 12/2023-10/2024 | Đại học Kinh tế Quốc dân        | 31/12/2024 |
| 8 | Trương Quỳnh Giang  |  | HVCH | X |  | 12/2023-10/2024 | Đại học Kinh tế Quốc dân        | 31/12/2024 |

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:**

| TT | Tên sách                                      | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                                  | Số tác giả | Chủ biên                                | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)                                                                                                                                               | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|-----------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận TS                   |                            |                                                               |            |                                         |                                                                                                                                                                                       |                                                            |
|    |                                               |                            |                                                               |            |                                         |                                                                                                                                                                                       |                                                            |
| II | Sau khi được công nhận TS                     |                            |                                                               |            |                                         |                                                                                                                                                                                       |                                                            |
| 1  | Quản lý học                                   | GT                         | Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018<br>ISBN: 978-604-946-424-9 | 12         |                                         | Sách có 974 trang, 20 chương, viết một mình chương 15 (từ trang 713-750), viết cùng 1 tác giả khác chương 5 (từ trang 223-258), viết cùng 1 tác giả khác chương 18 (từ trang 823-860) | QĐ số 1258/QĐ-ĐHKTQD ngày 17/11/2011                       |
| 2  | Chính sách công (Chính sách kinh tế - xã hội) | GT                         | Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2019                            | 13         | <b>Đồng chủ biên</b><br>(có 2 chủ biên) | Sách có 543 trang, 12 chương<br>Viết một mình chương 3 (từ trang 115 – 154)                                                                                                           | QĐ số 2267/QĐ-ĐHKTQD ngày 12/11/2021                       |



|   |                                         |    |                                                               |   |                                         |                                                                               |                                       |
|---|-----------------------------------------|----|---------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|   |                                         |    | ISBN: 978-604-946-540-6                                       |   |                                         |                                                                               |                                       |
| 3 | Quản lý thay đổi                        | GT | Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2024<br>ISBN: 978-604-4983-36-3 | 8 |                                         | Sách có 306 trang, 7 chương<br>Viết một mình<br>chương 7 (từ trang 270 – 306) | QĐ số 828/QĐ-ĐHKTQD<br>ngày 02/8/2024 |
| 4 | Quản lý chức năng hoạt động của tổ chức | GT | Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2024<br>ISBN: 978-604-4983-40-0 | 7 | <b>Đồng chủ biên</b><br>(có 2 chủ biên) | Sách có 334 trang, 6 chương<br>Viết một mình<br>chương 3 (từ trang 115 – 170) | QĐ số 829/QĐ-ĐHKTQD<br>ngày 02/8/2024 |

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                                        | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý                                              | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận TS                                                                                                                                           |           |                                                                   |                     |                                                     |
|    |                                                                                                                                                                       |           |                                                                   |                     |                                                     |
| II | Sau khi được công nhận TS                                                                                                                                             |           |                                                                   |                     |                                                     |
| 1  | Hoàn thiện chính sách giá đối với mặt hàng xăng dầu ở Việt Nam                                                                                                        | CN        | Đề tài KHCN cấp Trường<br>KTQD/V2014.44                           | 6/2014-11/2015      | 17/11/2015<br>Xếp loại Tốt                          |
| 2  | Chính sách, quy định của nhà nước đối với tự chủ trường đại học (theo các nội dung: tự chủ học thuật, tự chủ tài chính, tự chủ nhân sự, tự chủ bộ máy) của Trung Quốc | CN        | Đề tài nhánh thuộc đề tài KH&CN cấp Quốc gia<br>KHGD/16-20.ĐT.003 | 11/2017-01/2018     | 15/01/2018<br>Xếp loại Xuất sắc                     |

|   |                                                                                                                                                                                |    |                                                                |                |                           |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------|
| 3 | Giải pháp về phát triển giáo dục và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học công nghệ mới và đổi mới sáng tạo | CN | Đề tài nhánh thuộc đề tài KH&CN cấp Nhà nước<br>KX.04.19/21-25 | 11/2022-6/2024 | 20/6/2024<br>Xếp loại Tốt |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------|

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):**

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:**

| T<br>T | Tên bài báo/báo cáo KH                                                   | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN  | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang  | Tháng, năm công bố |
|--------|--------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|--------------------|
| I      | Trước khi được công nhận TS                                              |            |                  |                                                  |                                                   |                                            |                 |                    |
| 1      | Chính sách quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế và Dự báo<br>ISSN: 0866-7120     |                                                   |                                            | 20: 34-36       | 10/2010            |
| 2      | Giải pháp hoàn thiện chính sách giá đối với mặt hàng xăng dầu            | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế và Dự báo<br>ISSN: 0866-7120     |                                                   |                                            | 8: 34-36        | 4/2011             |
| 3      | Chính sách hạn ngạch nhập khẩu xăng dầu                                  | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế và Phát triển<br>ISSN: 1859-0012 |                                                   |                                            | 168 (II): 47-50 | 6/2011             |
| II     | Sau khi được công nhận TS                                                |            |                  |                                                  |                                                   |                                            |                 |                    |
| 4      | Cải khó của tư nhân trong các dự án PPP xây dựng giao thông đường bộ     | 1          | X                | Tạp chí Kinh tế và Dự báo<br>ISSN: 0866-7120     |                                                   |                                            | 11: 27-29       | 6/2014             |

|    |                                                                                                                |   |   |                                                                                                                                                                                               |  |  |                    |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------------|--------------|
| 5  | Chính sách giá xăng dầu của một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam                                            | 1 | X | Tạp chí Kinh tế và Dự báo<br>ISSN: 0866-7120                                                                                                                                                  |  |  | 17: 46-48          | 9/2015       |
| 6  | Tăng cường động lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên trẻ:<br>Nghiên cứu tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân  | 3 |   | Tạp chí Kinh tế và Phát triển<br>ISSN: 1859-0012                                                                                                                                              |  |  | 219 (II):<br>90-98 | 9/2015       |
| 7  | Tổ chức thực thi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới của UBND tỉnh Nghệ An                | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững<br>ISBN: 978-604-946-024-1                                                        |  |  | 552-566            | 11/2015      |
| 8  | Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực địa chính tại UBND xã Tân Hội – Đan Phượng – Hà Nội | 2 | X | The 1 <sup>st</sup> International Conference Proceedings for Young Researchers in Economics and Business<br>“Economics, Management and Business in Global Society”<br>ISBN: 978-604-946-051-7 |  |  | 253-268            | 12/2015      |
| 9  | Thực trạng điều hành giá xăng dầu ở Việt Nam và gợi ý chính sách                                               | 1 | X | Tạp chí Quản lý kinh tế<br>ISSN: 1859-039X                                                                                                                                                    |  |  | 74: 19 - 31        | 1+2/<br>2016 |
| 10 | Phát triển công nghiệp hỗ trợ trong bối cảnh                                                                   | 2 |   | Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Quản trị và kinh doanh                                                                                                                                              |  |  | 177-182            | 10/2016      |

|    |                                                                                                                           |   |   |                                                                                                                                                    |  |  |            |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|---------|
|    | hội nhập: Nghiên cứu<br>tại tỉnh Bắc Ninh                                                                                 |   |   | ISBN: 978-604-<br>84-1850-2                                                                                                                        |  |  |            |         |
| 11 | Chất lượng dịch vụ<br>hành chính công trong<br>lĩnh vực tư pháp tại<br>Ủy ban nhân dân quận<br>Thanh Xuân, Hà Nội         | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo<br>khoa học quốc gia:<br>Đảm bảo dịch vụ<br>xã hội ở Việt Nam<br>trong bối cảnh hội<br>nhập quốc tế<br>ISBN: 978-604-<br>65-2845-6 |  |  | 159-170    | 12/2016 |
| 12 | Nâng cao năng lực<br>quản lý của các cán bộ<br>quản lý cấp trung tại<br>Công ty TNHH MTV<br>Thăng Long - Bộ<br>Công an    | 2 |   | Tạp chí Công<br>thương<br>ISSN: 0866-7756                                                                                                          |  |  | 3: 176-181 | 3/2017  |
| 13 | Quản lý thu bảo hiểm<br>xã hội bắt buộc từ các<br>doanh nghiệp ngoài<br>nhà nước của Bảo<br>hiểm xã hội tỉnh Điện<br>Biên | 2 | X | Tạp chí Công<br>thương<br>ISSN: 0866-7756                                                                                                          |  |  | 8: 293-299 | 7/2017  |
| 14 | Factors Affecting<br>People's Intention to<br>Use Urban Railways<br>in Hanoi                                              | 3 |   | Proceedings of<br>International<br>Conference for<br>Young<br>Researchers in<br>Economics and<br>Business<br>ISBN: 978-604-<br>84-2640-8           |  |  | 318-324    | 10/2017 |
| 15 | Đào tạo sau đại học<br>ngành Quản lý kinh tế<br>và Quản lý công tại<br>Đại học Kinh tế Quốc<br>dân                        | 4 |   | Kỷ yếu Hội thảo<br>khoa học quốc gia:<br>Đào tạo Sau đại<br>học trong điều<br>kiện tự chủ và hội<br>nhập quốc tế<br>ISBN: 978-604-<br>946-329-7    |  |  | 149-156    | 10/2017 |

|    |                                                                                                           |          |   |                                                                                                                   |                                                               |  |                                                                                                                          |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 16 | Thẻ chế thị trường trong lĩnh vực dịch vụ cung cấp nước sạch ở Việt Nam                                   | 3        |   | Tạp chí Kinh tế và Dự báo<br>ISSN: 0866-7120                                                                      |                                                               |  | 02: 10-12                                                                                                                | 1/2018  |
| 17 | Thanh tra của Cục Thuế tỉnh Sơn La đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản          | 2        | X | Tạp chí Công thương<br>ISSN: 0866-7756                                                                            |                                                               |  | 13: 304-310                                                                                                              | 10/2018 |
| 18 | Thanh tra chuyên ngành đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của Bảo hiểm xã hội tỉnh Sơn La đối với doanh nghiệp | 2        | X | Tạp chí Công thương<br>ISSN: 0866-7756                                                                            |                                                               |  | 13: 406-411                                                                                                              | 10/2018 |
| 19 | Quản lý thu bảo hiểm thất nghiệp từ các doanh nghiệp của Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai                     | 2        | X | Tạp chí Công thương<br>ISSN: 0866-7756                                                                            |                                                               |  | 18: 268-277                                                                                                              | 10/2019 |
| 20 | Price Policy for Petroleum Products in Vietnam                                                            | 1        | X | Proceedings of IC – Hu So 2019: Religion and Development in Plurality Society<br>ISBN (e-book): 978-616-438-425-5 |                                                               |  | 204 - 212                                                                                                                | 11/2019 |
| 21 | <b>A Study on Competitiveness of Sea and Island Tourism in Vietnam</b>                                    | <b>5</b> |   | <b>Management Science Letters</b><br><b>ISSN: 1923-9343 (Online)</b><br><b>ISSN: 1923-9335 (Print)</b>            | <b>Scopus (Q4)</b><br>Last coverage: 2020, 10 (16): 4045-4054 |  | 10 (4): 823-830<br><a href="http://dx.doi.org/10.5267/j.msl.2019.10.015">http://dx.doi.org/10.5267/j.msl.2019.10.015</a> | 1/2020  |
| 22 | Tổ chức thực thi chính sách hỗ trợ trẻ em khuyết tật của chính                                            | 2        | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chính sách đảm                                                                 |                                                               |  | 128-144                                                                                                                  | 4/2020  |



|    |                                                                                                           |   |   |                                                                                                             |                                                                                                             |  |                                                                                                                                       |        |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | quyền huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An                                                                         |   |   | bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân vùng dân tộc thiểu số<br>ISBN: 978-604-65-4860-7                    |                                                                                                             |  |                                                                                                                                       |        |
| 23 | <b>Determinants Influencing Entrepreneurial Intention among Undergraduates in Universities of Vietnam</b> | 4 | X | <b>Journal of Asian Finance, Economics and Business</b><br>Print ISSN: 2288-4637<br>Online ISSN: 2288-4645  | <b>ESCI (ISI)</b><br>WoS de-listed March 2023<br><b>Scopus (Q3)</b><br>Last coverage: 2021, 8(4): 1076-1090 |  | 7 (7): 369-378<br><a href="https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no7.369">https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no7.369</a>     | 7/2020 |
| 24 | <b>Perception of Organizational Support to Lecturers' Research Motivation: the Case of Vietnam</b>        | 5 |   | <b>Journal of Asian Finance, Economics and Business</b><br>Print ISSN: 2288-4637<br>Online ISSN: 2288-4645  | <b>ESCI (ISI)</b><br>WoS de-listed March 2023<br><b>Scopus (Q3)</b><br>Last coverage: 2021, 8(4): 1076-1090 |  | 8 (2): 0657-0666<br><a href="https://doi.org/10.13106/jafeb.2021.vol8.no2.0657">https://doi.org/10.13106/jafeb.2021.vol8.no2.0657</a> | 2/2021 |
| 25 | Ý định khởi nghiệp của sinh viên Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                   | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nâng cao chất lượng đào tạo ngành Quản lý công, Quản lý kinh tế và Chính |                                                                                                             |  | 75-87                                                                                                                                 | 7/2021 |

|    |                                                                                                                                                      |   |   |                                                                                                                                             |  |  |           |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------|---------|
|    |                                                                                                                                                      |   |   | sách<br>ISBN: 978-604-65-3182-5                                                                                                             |  |  |           |         |
| 26 | Đào tạo ngành Quản lý kinh tế, ngành Quản lý công tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân: Thực trạng và một số định hướng phát triển                    | 6 |   | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nâng cao chất lượng đào tạo ngành Quản lý công, Quản lý kinh tế và Chính sách<br>ISBN: 978-604-65-3182-5 |  |  | 8-21      | 7/2021  |
| 27 | Kinh nghiệm quốc tế về hiện đại hóa kho bạc thông qua điện tử hóa/ số hóa và bài học đối với Kho bạc Nhà nước Việt Nam                               | 2 |   | Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội<br>ISSN: 0866-8051                                                                                |  |  | 94: 34-40 | 8/2022  |
| 28 | Quản lý của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng đối với việc di dời chuồng trại gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở của hộ đồng bào dân tộc Nùng | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới<br>ISBN 978-604-70-3488-8           |  |  | 108-115   | 10/2022 |
| 29 | Kiểm toán kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện của Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII                                      | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về Kế toán và Kiểm toán<br>ISBN: 978-604-330-509-8                                                        |  |  | 1075-1087 | 11/2022 |
| 30 | Solutions to Increase the Intention to Work in the Hospitality Industry of Generation Z in                                                           | 4 |   | Proceedings of IC-HUSO 2022: Research on the Transformation of the Humanities and Social Sciences in the                                    |  |  | 227-240   | 11/2022 |

|    |                                                                                                                                                                   |   |   |                                                                                                                                                                                                       |                                  |  |                                                                                                                     |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    | Vietnam after the Covid-19 Pandemic                                                                                                                               |   |   | Post-COVID-19 World<br>ISBN (e-book): 978-616-438-793-5                                                                                                                                               |                                  |  |                                                                                                                     |         |
| 31 | Measurement of Vietnam Cultural Resources Attractiveness: the Case of Vietnam                                                                                     | 2 | X | International Journal of Ecosystems and Ecology Science (IJES)<br>ISSN: 2224-4980                                                                                                                     |                                  |  | 13 (1): 95-108<br><a href="https://doi.org/10.31407/ijees13.112">https://doi.org/10.31407/ijees13.112</a>           | 1/2023  |
| 32 | Impact of Peer Pressure and Perceived Stress on Students' Academic Performance at National Economics University in Vietnam                                        | 6 | X | The 17 <sup>th</sup> IFEAMA International Conference Proceedings on Knowledge Transformation and Innovation in Global Society from the Perspectives in a Transforming Asia<br>ISBN: 978-604-330-711-5 |                                  |  | 747-756                                                                                                             | 5/2023  |
| 33 | Giải pháp phát triển kho bạc số                                                                                                                                   | 2 |   | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển kinh tế số bền vững<br>ISBN: 978-604-322-825-0                                                                                                          |                                  |  | 650-661                                                                                                             | 10/2023 |
| 34 | <b>Assessing Determinants of Tax Officials' Intention to Continue Applying E-tax in Vietnam: Attitude toward the Continued Application of E-tax as a Mediator</b> | 4 |   | International Journal of Data and Network Science<br>ISSN: 2561-8156 (Online)<br>ISSN: 2561-8148 (Print)                                                                                              | <b>SSCI (ISI) và Scopus (Q2)</b> |  | 8 (1): 569-584<br><a href="http://doi.org/10.5267/j.ijdns.2023.8.027">http://doi.org/10.5267/j.ijdns.2023.8.027</a> | 1/2024  |

|    |                                                                                                                                     |   |   |                                                                                                                                                        |  |  |           |        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------|--------|
| 35 | Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm dầu nhờn dùng cho động cơ ô tô và xe máy của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Định hướng và giải pháp phát triển kinh tế tư nhân của người Việt Nam trong tầm nhìn mới<br>ISBN: 978-604-330-992-8 |  |  | 686-702   | 5/2024 |
| 36 | State Management of the Collection, Transportation and Treatment of Household Solid Waste in the Hoa Binh City, Hoa Binh Province   | 3 | X | Proceedings of 19 <sup>th</sup> International Conference: Socio-Economic and Environmental Issues in Development<br>ISBN: 978-604-79-4446-0            |  |  | 1918-1933 | 6/2024 |
| 37 | Factors Affecting the Charity Behavior: Empirical Study in Hanoi, Vietnam                                                           | 3 |   | Proceedings of 19 <sup>th</sup> International Conference: Socio-Economic and Environmental Issues in Development<br>ISBN: 978-604-79-4446-0            |  |  | 3352-3362 | 6/2024 |
| 38 | Tổ chức thực hiện chương trình đồng hành với thanh niên trong học tập của Thị Đoàn Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh                             | 3 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Vai trò của trí thức trẻ trong nền kinh tế số - lần thứ V<br>ISBN: 978-604-492-497-7                                |  |  | 83-94     | 8/2024 |
| 39 | Dịch vụ việc làm công cho thanh niên trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam: Thực                                                | 3 |   | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Vai trò của trí thức trẻ trong nền kinh tế số - lần thứ V                                                           |  |  | 95-104    | 8/2024 |

|    |                                                                                                                                         |   |   |                                                                                                                                       |  |  |                                                                                                                             |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    | trạng và hàm ý chính sách                                                                                                               |   |   | ISBN: 978-604-492-497-7                                                                                                               |  |  |                                                                                                                             |         |
| 40 | Các trụ cột đầu vào của đổi mới sáng tạo ở Việt Nam: Thực trạng và kiến nghị                                                            | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vì mục tiêu phát triển bền vững<br>ISBN: 978-604-40-4793-5  |  |  | 13-26                                                                                                                       | 8/2024  |
| 41 | Thực trạng chuyển đổi số và giải pháp để phát triển tài chính số của Bộ Tài chính                                                       | 2 |   | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vì mục tiêu phát triển bền vững<br>ISBN: 978-604-40-4793-5  |  |  | 660-665                                                                                                                     | 8/2024  |
| 42 | Hạ tầng nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin của các tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung: Một số khuyến nghị | 3 |   | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0<br>ISBN: 978-604-4987-11-8 |  |  | 129-141                                                                                                                     | 10/2024 |
| 43 | The Effect of Personality Traits on Criminal Behaviour                                                                                  | 4 | X | Pakistan Journal of Criminology<br>ISSN: 2222-6648 (Online)<br>ISSN: 2074-2738 (Print)                                                |  |  | 16 (04): 1059-1073<br><a href="https://doi.org/10.62271/pjc.16.4.1059.1073">https://doi.org/10.62271/pjc.16.4.1059.1073</a> | 11/2024 |
| 44 | Quản lý thu tiền thuê đất của doanh nghiệp                                                                                              | 3 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Thị trường bất                                                                                     |  |  | 264-275                                                                                                                     | 11/2024 |

|    |                                                                                                                                             |   |   |                                                                                                                                                     |  |  |           |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------|---------|
|    | tại Cục Thuế thành phố Hà Nội                                                                                                               |   |   | động sản Việt Nam trong bối cảnh sửa đổi Luật Đất đai, Nhà ở và Kinh doanh bất động sản<br>ISBN: 978-604-4987-32-3                                  |  |  |           |         |
| 45 | Implementing the One Commune One Product (OCOP) Program of Provincial Governments: Experience of Son La Province and Lessons for Localities | 4 |   | International Conference Proceedings: Net Zero Emissions and Sustainable Development in Vietnam and Taiwan (China)<br>ISBN: 978-604-4987-08-8       |  |  | 573-578   | 11/2024 |
| 46 | Quản lý khoán bảo vệ rừng phòng hộ: Kinh nghiệm từ Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu                                  | 3 |   | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả bền vững tài nguyên trong nền kinh tế hội nhập<br>ISBN: 978-604-4987-20-0 |  |  | 305-316   | 11/2024 |
| 47 | Audit of the State Audit Office of Vietnam, Specialised Audit Department No. II on Regular State Budget Expenditures for Ministries         | 2 | X | Proceedings of the 7 <sup>th</sup> International Conference on Finance, Accounting and Auditing<br>ISBN: 978-604-4987-29-3                          |  |  | 1316-1328 | 12/2024 |
| 48 | The Relationship between Sustainable Development and Green Economy                                                                          | 2 | X | Proceedings of the 2 <sup>nd</sup> COEC International Scientific Conference:                                                                        |  |  | 1169-1181 | 12/2024 |



|    |                                                                                                                           |   |   |                                                                                                                                                                                                                           |  |  |                 |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------|---------|
|    |                                                                                                                           |   |   | Sustainable<br>Economic<br>Development of<br>Vietnam in the<br>New Context<br>ISBN: 978-604-<br>79-4734-8                                                                                                                 |  |  |                 |         |
| 49 | Quản lý nguồn nhân<br>lực của các doanh<br>nghiệp Việt Nam<br>trong bối cảnh cuộc<br>cách mạng công<br>nghiệp 4.0         | 3 |   | Kỷ yếu Hội thảo<br>khoa học quốc gia:<br>Hoàn thiện thể chế<br>kinh tế thị trường<br>định hướng xã hội<br>chủ nghĩa ở Việt<br>Nam trong bối<br>cảnh cách mạng<br>công nghiệp lần<br>thứ tư<br>ISBN: 978-604-<br>41-5596-8 |  |  | 749-758         | 12/2024 |
| 50 | The Level of<br>Readiness for Digital<br>Transformation in<br>Small and Medium<br>Enterprises in Hanoi,<br>Vietnam        | 2 | X | Proceedings of the<br>Second<br>International<br>Conference on<br>Economics and<br>Business in the<br>Digital Era<br>ISBN: 978-604-<br>79-4872-7                                                                          |  |  | 376-383         | 2/2025  |
| 51 | Quá trình chuyển đổi<br>số trong quản trị của<br>các doanh nghiệp nhỏ<br>và vừa ở Việt Nam                                | 2 | X | Tạp chí Kinh tế và<br>Dự báo<br>ISSN: 1859-4972                                                                                                                                                                           |  |  | 06: 110-<br>113 | 3/2025  |
| 52 | Một số khuyến nghị<br>đối với các doanh<br>nghiệp nhỏ và vừa<br>nhằm thúc đẩy quá<br>trình chuyển đổi số<br>trong quá trị | 2 | X | Tạp chí Kinh tế và<br>Quản lý<br>ISSN: 1859-4565                                                                                                                                                                          |  |  | 79: 28-37       | 3/2025  |
| 53 | Quản lý kênh phân<br>phối xăng dầu của                                                                                    | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo<br>khoa học quốc gia:                                                                                                                                                                                     |  |  | 399-414         | 3/2025  |

|    |                                                                                                                                                 |   |   |                                                                                                                                                                            |  |  |         |        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------|--------|
|    | Công ty Xăng dầu<br>Điện Biên                                                                                                                   |   |   | Tác động của<br>chuyển dịch chuỗi<br>cung ứng toàn cầu<br>tới kinh tế Việt<br>Nam<br>ISBN: 978-632-<br>611-371-6                                                           |  |  |         |        |
| 54 | Success in the<br>Development of Halal<br>Products and Services<br>in Malaysia, Thailand,<br>and Brazil and<br>Recommendation for<br>Vietnam    | 1 | X | Proceedings of<br>International<br>Conference on<br>Innovation,<br>Integration and<br>Sustainable<br>Development<br>ISBN: 978-604-<br>44-5862-5                            |  |  | 42-51   | 4/2025 |
| 55 | Cải cách thủ tục hành<br>chính trong lĩnh vực<br>tư pháp tại Ủy ban<br>nhân dân thành phố<br>Bắc Ninh                                           | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo<br>khoa học quốc gia:<br>Kinh tế Việt Nam<br>năm 2024 và triển<br>vọng năm 2025<br>ISBN: 978-632-<br>615-013-1                                             |  |  | 273-280 | 4/2025 |
| 56 | Đánh giá diễn biến<br>kinh tế Việt Nam năm<br>2024 thông qua khu<br>vực tài chính – ngân<br>sách và đề xuất giải<br>pháp triển khai năm<br>2025 | 3 |   | Kỷ yếu Hội thảo<br>khoa học quốc gia:<br>Kinh tế Việt Nam<br>năm 2024 và triển<br>vọng năm 2025<br>ISBN: 978-632-<br>615-013-1                                             |  |  | 43-56   | 4/2025 |
| 57 | Chính sách phát triển<br>thị trường vốn xanh<br>cho ngành công<br>nghiệp của Việt Nam                                                           | 3 | X | Kỷ yếu Hội thảo<br>khoa học quốc gia:<br>Kinh doanh có<br>trách nhiệm hướng<br>đến mục tiêu phát<br>triển bền vững khu<br>vực doanh nghiệp<br>và các định chế tài<br>chính |  |  | 722-732 | 4/2025 |

|    |                                                                                                                                                                    |   |   |                                                                                                                                                                                                                                                              |             |  |                                                                                                                         |        |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    |                                                                                                                                                                    |   |   | ISBN: 978-632-611-996-1                                                                                                                                                                                                                                      |             |  |                                                                                                                         |        |
| 58 | <b>Evaluating the Governance of Public Services in Urban Construction: Insights from Hanoi's Experience</b>                                                        | 5 | X | International Journal of Public Law and Policy<br>ISSN online: 2044-7671<br>ISSN print: 2044-7663                                                                                                                                                            | Scopus (Q3) |  | 11 (5): 1-18<br><a href="https://doi.org/10.1504/IJPLAP.2025.10070944">https://doi.org/10.1504/IJPLAP.2025.10070944</a> | 5/2025 |
| 59 | Giải pháp thúc đẩy người nộp thuế sử dụng ứng dụng thuế điện tử trên thiết bị di động (Etax Mobile): Nghiên cứu trường hợp Đội Thuế liên huyện Quỳnh Phụ - Hưng Hà | 2 | X | Tạp chí Kinh tế và Quản lý<br>ISSN: 1859-4565                                                                                                                                                                                                                |             |  | 81: 36-42                                                                                                               | 5/2025 |
| 60 | Một số giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh                 | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về phương thức huy động và sử dụng các nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu<br>ISBN: 978-604-346-443-6 |             |  | 397-403                                                                                                                 | 5/2025 |
| 61 | Các yếu tố quyết định năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp ở Việt Nam                                                                                        | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm một số quốc gia trên                                                                                                                                                                         |             |  | 329-339                                                                                                                 | 5/2025 |

|    |                                                                                                                                                |   |   |                                                                                                                                                                       |                        |  |                                                                                                                                                     |        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    |                                                                                                                                                |   |   | thế giới về nâng<br>cao năng lực đổi<br>mới sáng tạo của<br>các doanh nghiệp<br>ISBN: 978-604-<br>346-444-3                                                           |                        |  |                                                                                                                                                     |        |
| 62 | <b>Evaluating Public<br/>Administrative<br/>Services in Vietnam:<br/>a Dual-model<br/>Comparison of<br/>SERVQUAL and<br/>SERVPERF</b>          | 5 | X | International<br>Journal of<br>Services<br>Technology and<br>Management<br>ISSN online:<br>1741-525X<br>ISSN print: 1460-<br>6720                                     | <b>Scopus<br/>(Q4)</b> |  | 30 (5): 1-<br>19<br><a href="https://dx.doi.org/10.1504/IJSTM.2025.10071596">https://dx.<br/>doi.org/10.<br/>1504/IJST<br/>M.2025.10<br/>071596</a> | 6/2025 |
| 63 | Improving the<br>Efficiency of State<br>Capital Utilization in<br>Enterprises: a Study in<br>Vietnam                                           | 2 | X | Proceedings of<br>21 <sup>st</sup> International<br>Conference:<br>Socio-Economic<br>and Environmental<br>Issues in<br>Development<br>ISBN: 978-604-<br>79-5010-2     |                        |  | 2156-2163                                                                                                                                           | 6/2025 |
| 64 | Ảnh hưởng của các<br>thuộc tính Hồi giáo<br>trong dịch vụ tới ý<br>định lựa chọn nhà<br>hàng Halal tại Hà Nội<br>của khách du lịch Hồi<br>giáo | 2 |   | Proceedings of<br>International<br>Conference:<br>Prospects for<br>Tourism<br>Development<br>Associated with<br>Halal in Hanoi<br>City<br>ISBN: 978-604-<br>79-5007-2 |                        |  | 513-526                                                                                                                                             | 6/2025 |
| 65 | Vai trò của chính<br>quyền cấp xã trong tổ<br>chức thực hiện chính                                                                             | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo<br>khoa học quốc gia:<br>Mô hình chính                                                                                                                |                        |  | 269-284                                                                                                                                             | 6/2025 |

|    |                                                                                                                         |   |   |                                                                                                                                                                                                    |  |  |       |        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------|--------|
|    | sách trợ giúp xã hội<br>đối với đối tượng bảo<br>trợ xã hội: Nghiên cứu<br>trường hợp của xã Sá<br>Tổng, tỉnh Điện Biên |   |   | quyền địa phương<br>hai cấp: Vai trò<br>của chính quyền<br>cấp xã – Đơn vị cơ<br>sở mới<br>ISBN: 978-604-<br>76-3154-4                                                                             |  |  |       |        |
| 66 | Consumer Values and<br>the Intention to<br>Choose Hotels in<br>Vietnam among<br>Muslim Tourists                         | 2 | X | Proceedings of<br>International<br>Conference on<br>Developing Quang<br>Ninh into One of<br>the Leading<br>Muslim-Friendly<br>Tourist<br>Destinations in<br>Vietnam<br>ISBN: 978-604-<br>79-5037-9 |  |  | 52-65 | 6/2025 |

- Trong đó: có 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UỶ  
là tác giả chính sau TS: [23] [58], [62]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc  
ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT | Tên bài báo/báo<br>cáo KH | Số<br>tác<br>giả | Là tác<br>giả<br>chính | Tên tạp chí<br>hoặc kỷ yếu<br>khoa học/ISSN<br>hoặc ISBN | Thuộc danh<br>mục tạp chí uy<br>tín của ngành | Tập, số,<br>trang | Tháng,<br>năm<br>công bố |
|----|---------------------------|------------------|------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------|--------------------------|
|    |                           |                  |                        |                                                          |                                               |                   |                          |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy  
tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng<br>chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ<br>quan cấp | Ngày tháng<br>năm cấp | Tác giả chính/<br>đồng tác giả | Số tác giả |
|----|---------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------------------|------------|
|    |                                                   |                    |                       |                                |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích  
được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
|    |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                                           | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế     | Ghi chú                                                                                                                        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Xây dựng mới chương trình đào tạo cử nhân <i>Quản lý công và Chính sách bằng tiếng Anh</i>            | Tham gia                       | QĐ số 511/QĐ-ĐHKTQD ngày 20/5/2014           | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân    | QĐ số 109/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/01/2015 | Tuyển sinh theo Thông báo số 1047/TB-ĐHKTQD ngày 31/8/2015<br>Đã được kiểm định theo Quyết định số 213/QĐ-KĐCLV ngày 30/8/2021 |
| 2  | Rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy ngành <i>Quản lý công</i> | Tham gia                       | QĐ số 114/QĐ-ĐHKTQD ngày 11/3/2021           | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân    | QĐ số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26/7/2021 |                                                                                                                                |

|   |                                                                                                                                    |          |                                    |                                 |                                   |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|--|
| 3 | Rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành <i>Quản lý kinh tế</i> (chương trình <i>Quản lý công</i> ) | Tham gia | QĐ số 445/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 1/10/2021 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | QĐ số 10/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 14/1/2022 |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|--|

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**TS. Bùi Thị Hồng Việt**